

suiteDXT

Hướng dẫn sử dụng

NeoSoft, LLC

NEOSOFT

NS-03-043-0004-VI Bản sửa đổi 2
Copyright 2023 NeoSoft, LLC
Bảo lưu mọi quyền

Lịch sử sửa đổi

Bản sửa đổi	Ngày	Mô tả thay đổi	Thông tin cập nhật liên quan đến an toàn (Có/Không)
1	15/07/2022	<p>Đã cập nhật bản phát hành sản phẩm 5.1.0. Đã bổ sung Tiếng Bồ Đào Nha ở Brazil.</p> <p>Hướng dẫn sử dụng (HDSĐ) này thay thế cho ngôn ngữ/bản sửa đổi/số hiệu bộ phận trước đó:</p> <p>suiteDXT IFU - NS-03-039-0008, EN-Rev. 7 suiteDXT IFU - NS-03-039-0009, FR-Rev. 6 suiteDXT IFU - NS-03-039-0010, DE-Rev. 6 suiteDXT IFU - NS-03-039-0011, IT-Rev. 6 suiteDXT IFU - NS-03-039-0012, EL-Rev. 6 suiteDXT IFU - NS-03-040-0009, LT - Rev. 5 suiteDXT IFU - NS-03-040-0010, ES - Rev. 5 suiteDXT IFU - NS-03-040-0011, SV - Rev. 5 suiteDXT IFU - NS-03-040-0012, TR - Rev. 5 suiteDXT IFU - NS-03-040-0013, RO - Rev. 5 suiteDXT IFU - NS-03-040-0014, NL - Rev. 5 suiteDXT IFU - NS-03-040-0029, PT-PT - Rev. 4 suiteDXT IFU - NS-03-041-0008, ZH-CN - Rev. 2 suiteDXT IFU - NS-03-041-0010, HU - Rev. 3 suiteDXT IFU - NS-03-042-0008, JA - Rev. 1 suiteDXT IFU - NS-03-042-0009, VI - Rev. 1</p>	Không
2	21 Tháng Tư, 2023	<p>Đã cập nhật bản phát hành sản phẩm 5.1.1. Đã bổ sung tiếng Estonia. Đã chuyển các thông tin pháp lý sang tài liệu Phụ lục pháp lý.</p>	Không

Nhà sản xuất



NeoSoft, LLC
N27 W23910A Paul Road
Pewaukee, WI 53072 USA

Điện thoại: 262-522-6120
trang web: www.neosoftllc.com

Bộ phận bán hàng: orders@neosoftmedical.com
Bộ phận dịch vụ: service@neosoftmedical.com

Để xem thông tin tuân thủ (Đại diện được ủy quyền, Nhà nhập khẩu, Thông tin đăng ký) sau khi khởi chạy ứng dụng, hãy nhấp vào “Trợ giúp” hoặc “Giới thiệu” trên màn hình chính. Chọn tùy chọn “Thông tin pháp lý”. Tài liệu sẽ mở bằng trình xem pdf.

Mục lục

An toàn	1
Giới thiệu	1
Mục đích sử dụng	1
Chỉ định sử dụng	1
Các định dạng ảnh DICOM được hỗ trợ	1
Thuật ngữ	2
Nguy hiểm do thiết bị	2
An ninh mạng	3
Bắt đầu	5
Các chức năng trên màn hình chính	5
Nhấp chuột phải vào menu trong ô nghiên cứu	6
Nhấp chuột phải vào menu trong ô chuỗi ảnh	6
Cửa sổ Truy vấn/Truy xuất	7
Nhấp chuột phải vào menu trong ô truy vấn/kết quả	8
Nhấp chuột phải vào menu trong ô chuỗi ảnh	8
Sử dụng suiteDXT	9
Khởi chạy ứng dụng	9
Truy xuất nghiên cứu hoặc chuỗi ảnh từ máy chủ từ xa	10
Tự động truy xuất nghiên cứu trước đó	12
Gửi nghiên cứu đến máy chủ từ xa	14
Gửi chuỗi ảnh đến máy chủ từ xa	14
Đèn báo ô nghiên cứu	15
Gửi tệp NeoSoft DICOM	15
Nhập nghiên cứu	15
Xuất nghiên cứu	16
Thực hiện tìm kiếm	17
Tạo thư mục	17
Ẩn thông tin của nghiên cứu	18
Bảo vệ chống xóa	19
Xóa nghiên cứu	19
Xóa chuỗi ảnh	20
Xóa chuỗi ảnh chụp thứ cấp	20
Giới thiệu về suiteDXT	21
Tiền xử lý nghiên cứu	22
Cấu hình tiền xử lý	22
Sử dụng tính năng tiền xử lý	23
Đèn báo ô nghiên cứu	24
Virtual Fellow®	25
Bật/tắt Virtual Fellow®	25
Cửa sổ xem trước hình ảnh	26
Xuất dữ liệu	27
Dịch vụ và hỗ trợ	29
Lỗi mạng DICOM	29
Lỗi khởi chạy nghiên cứu	30
Liên hệ	30

An toàn

Giới thiệu

Để đảm bảo sử dụng hiệu quả và an toàn, bạn cần đọc mục an toàn này và tất cả các chủ đề liên quan trước khi sử dụng phần mềm. Bạn cần đọc và hiểu nội dung của hướng dẫn này trước khi sử dụng sản phẩm. Bạn nên thường xuyên xem lại các quy trình và biện pháp an toàn.

Chỉ nhân viên đã qua đào tạo và có chuyên môn mới được sử dụng phần mềm này.

Phần mềm suiteDXT có thời hạn sử dụng hữu ích dự kiến là 7 năm kể từ ngày phát hành ban đầu.

Mục đích sử dụng

suiteDXT nhằm mục đích giúp người dùng có thể quản lý giao tiếp mạng DICOM, lưu trữ hình ảnh DICOM được hỗ trợ, nhập hình ảnh DICOM được hỗ trợ từ hệ thống tệp cục bộ, thực hiện ẩn thông tin của nghiên cứu và khởi chạy các ứng dụng tạo ảnh liên quan. Phần mềm này được thiết kế để làm vị trí lưu tạm thời.

Chỉ định sử dụng

suiteDXT được thiết kế để giúp người dùng có thể nhập, xuất, ẩn thông tin hình ảnh DICOM và khởi chạy các ứng dụng tạo ảnh liên quan. Sản phẩm này không có chức năng hoặc mục đích chẩn đoán y tế.

Các định dạng ảnh DICOM được hỗ trợ

suiteDXT hỗ trợ định dạng DICOM sau đây; MR và MR tăng cường.




LƯU Ý: suiteDXT hỗ trợ nén Nguyên vẹn JPEG, tuy nhiên tập hợp con của định dạng này không được hỗ trợ.

Tham khảo hướng dẫn Tuyên bố hợp quy suiteDXT DICOM để biết thêm chi tiết về các định dạng được hỗ trợ.

Thuật ngữ

Thuật ngữ nguy hiểm, cảnh báo và thận trọng được sử dụng trong toàn bộ tài liệu hướng dẫn này để chỉ ra các mối nguy hiểm và chỉ định cấp độ hoặc mức độ nghiêm trọng. Nguy hiểm được định nghĩa là nguồn có thể gây thương tích cho con người. Tìm hiểu các câu mô tả thuật ngữ được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 1: Thuật ngữ an toàn

Hình ảnh	Định nghĩa
 NGUY HIỂM:	Nguy hiểm là thuật ngữ dùng để xác định các điều kiện hoặc hành động gây ra mối nguy hiểm cụ thể, xác định mà <u>sẽ</u> gây thương tích cá nhân nghiêm trọng, tử vong hoặc thiệt hại tài sản đáng kể nếu bỏ qua hướng dẫn.
 CẢNH BÁO:	Cảnh báo được sử dụng để xác định các điều kiện hoặc hành động tồn tại mối nguy hiểm cụ thể <u>có thể</u> gây thương tích cá nhân nghiêm trọng, tử vong hoặc thiệt hại tài sản đáng kể nếu bỏ qua hướng dẫn.
 THẬN TRỌNG:	Thận trọng được sử dụng để xác định các điều kiện hoặc hành động tồn tại mối nguy hiểm tiềm ẩn <u>có thể</u> gây thương tích cá nhân nhẹ hoặc thiệt hại tài sản nếu bỏ qua hướng dẫn.

Nguy hiểm do thiết bị



THẬN TRỌNG: Việc sử dụng thiết bị hỏng hóc hoặc đã được điều chỉnh có thể khiến bệnh nhân gặp rủi ro do làm chậm quá trình chẩn đoán. Đảm bảo thiết bị hoạt động đúng cách.



THẬN TRỌNG: Các ứng dụng chạy trên thiết bị bao gồm một hoặc nhiều ổ đĩa cứng, có thể lưu giữ dữ liệu y tế liên quan đến bệnh nhân. Ở một số quốc gia, các thiết bị như vậy có thể phải tuân theo các quy định liên quan đến xử lý dữ liệu cá nhân và lưu hành tự do dữ liệu như vậy. Việc tiết lộ dữ liệu cá nhân có thể dẫn đến truy cứu pháp lý tùy thuộc vào cơ quan quản lý hiện hành. Khuyến nghị giới hạn quyền truy cập vào hồ sơ bệnh nhân. Người dùng có trách nhiệm tìm hiểu các luật quy định về thông tin bệnh nhân.

An ninh mạng

NeoSoft thực hiện các biện pháp phòng ngừa an ninh mạng sau đây trong quá trình thiết kế và triển khai phần mềm của mình:

- Chỉ người dùng quản trị đã qua đào tạo mới được thực hiện công việc quản trị một số chức năng (quyền người dùng, xây dựng lại cơ sở dữ liệu, v.v.) của phần mềm NeoSoft.
- Phần mềm NeoSoft thường xuyên được phân tích để tìm các lỗ hổng đã biết được liệt kê trong cơ sở dữ liệu NIST và được vá nếu cần thiết.
- Phần mềm NeoSoft sử dụng tiêu chuẩn DICOM để lưu trữ dữ liệu bệnh nhân và truyền dữ liệu bệnh nhân qua mạng thông qua một cổng do người dùng cấu hình.
- Tính toàn vẹn của phần mềm NeoSoft trước khi cài đặt được xác minh tổng md5 để đảm bảo phần mềm được phân phối hoàn toàn nguyên vẹn.
- Phần mềm NeoSoft đã được xác minh để sử dụng trên phần cứng có bật tính năng mã hóa.
- NeoSoft sẽ giảm thiểu rủi ro an ninh mạng bằng cách thiết kế theo tiêu chuẩn ISO 14971.
- Nhân viên của NeoSoft được đào tạo về An ninh mạng và Bảo vệ thông tin sức khỏe.
- NeoSoft không nhận hoặc quản lý thông tin sức khỏe được bảo vệ trừ khi được khách hàng cấp quyền truy cập cụ thể để khắc phục sự cố.
- Phần mềm NeoSoft đã trải qua thử nghiệm thâm nhập.
- Tự động đăng xuất (ALOF) – suiteHEART có thể được cấu hình để tự đóng sau khi không sử dụng một thời gian đã định trước. suiteDXT vẫn mở cho đến khi người dùng đóng hoặc hệ thống được khởi động lại.
- Kiểm soát kiểm tra (AUDT) – suiteHEART và suiteDXT tạo nhật ký có dấu thời gian bao gồm các sự kiện phần mềm và thông tin người dùng
- Ủy quyền (AUTH) – Trong suiteDXT, quản trị viên có thể xem và cấu hình biện pháp kiểm soát truy cập cho những người dùng khác. Tùy thuộc vào cách cấu hình quyền truy cập, người dùng chỉ có thể xem một số nghiên cứu nhất định trong suiteDXT và suiteHEART. Ví dụ: Người dùng A chỉ có thể truy cập thông tin nghiên cứu từ địa điểm A, còn Người dùng B có thể truy cập thông tin nghiên cứu từ địa điểm A và B.
- Xác thực nút (NAUT) – suiteDXT có thể được cấu hình để giao tiếp với các thiết bị DICOM khác bằng cách cấu hình tiêu đề AE, địa chỉ IP và cổng DICOM. suiteHEART không sử dụng mạng theo mặc định nhưng có thể được cấu hình để gửi dữ liệu đến các hệ thống khác thông qua việc thay đổi cấu hình, xác định các hệ thống khác theo Tiêu đề AE, Địa chỉ IP và cổng. Có thể sử dụng cả hai sản phẩm mà không cần kết nối mạng bằng cách nhập dữ liệu nghiên cứu cục bộ từ hệ thống tập tin, thay vì gửi hoặc nhận dữ liệu nghiên cứu qua mạng.
- Xác thực người dùng (PAUT) – suiteHEART và suiteDXT có thể được cấu hình để cho phép xác thực người dùng, kiểm soát mật khẩu người dùng và cấu hình dữ liệu bệnh nhân có sẵn dành riêng cho người dùng đã đăng nhập. Thông tin người dùng đã được ghi nhật ký.
- Khả năng kết nối (CONN) – suiteDXT có thể kết nối với các đối tác DICOM đã cấu hình khác để truyền dữ liệu. suiteHEART có thể được cấu hình để gửi dữ liệu đến các hệ thống khác thông qua việc thay đổi cấu hình, xác định các hệ thống khác theo Tiêu đề AE, Địa chỉ IP và cổng.
- Khóa vật lý (PLOCK) – Không có. NeoSoft khuyến nghị sử dụng các sản phẩm An ninh mạng để bảo vệ.
- Tăng cường hệ thống và ứng dụng (SAHD) – Không có. NeoSoft khuyến nghị sử dụng các sản phẩm An ninh mạng để bảo vệ.
- Hủy thông tin nhận dạng trong dữ liệu sức khỏe (DIDT) – suiteDXT bao gồm tính năng "Ẩn danh" để hủy thông tin nhận dạng trong các nghiên cứu bệnh nhân.
- Tính toàn vẹn và tính xác thực của dữ liệu sức khỏe (IGAU) – suiteDXT bao gồm các thông báo trạng thái về việc nhập / chuyển thông tin nghiên cứu dẫn đến việc xác nhận nhập hoặc chuyển thành công và nếu có lỗi xảy ra. suiteHEART sẽ cảnh báo người dùng thông qua cửa sổ bật lên nếu dữ liệu đầu vào mong muốn bị thiếu hoặc hỏng.
- Sao lưu dữ liệu và khôi phục sau thảm họa (DTBK) – Khuyến nghị gửi dữ liệu do suiteHEART tạo ra tới PACS để lưu trữ / sao lưu lâu dài. suiteDXT bao gồm một công cụ xây dựng lại cơ sở dữ liệu nếu phần mềm cục bộ bị hỏng.
- Bảo mật việc lưu trữ dữ liệu sức khỏe (STCF) – suiteHEART và suiteDXT được thiết kế cho nhân viên có trình độ sử dụng và có thể được bảo mật bằng tên người dùng và mật khẩu tùy theo quyết định của người dùng.
- Bảo mật khi truyền (TXCF) – Mọi quá trình truyền dữ liệu đều ở định dạng DICOM.
- Tính toàn vẹn của quá trình truyền (TXIG) – Mọi quá trình truyền dữ liệu đều ở định dạng DICOM.
- Nâng cấp sản phẩm an ninh mạng (CSUP) – mọi bản cài đặt hoặc bản nâng cấp sẽ ở dạng bản phát hành phần mềm mới được phép và được áp dụng theo quyết định của khách hàng.
- Danh mục vật liệu của phần mềm (SBoM) – Màn hình "Giới thiệu" của suiteHEART liệt kê phần mềm của bên thứ ba. Thông tin về phần mềm bên thứ ba trong suiteDXT có trong thư mục cài đặt suiteDXT "3pinfo".

- Lộ trình cho các thành phần bên thứ ba trong vòng đời thiết bị (RDMP) – NeoSoft sẽ định kỳ đánh giá phần mềm bên thứ ba và có thể cập nhật suiteHEART và/hoặc suiteDXT nếu cần thiết.
- Hướng dẫn bảo mật (SGUD) – NeoSoft khuyến nghị sử dụng phần mềm diệt vi-rút.
- Cấu hình tính năng bảo mật mạng (CNFS) – Khả năng của sản phẩm trong việc cấu hình các tính năng bảo mật mạng dựa trên nhu cầu của người dùng. Cả suiteHEART và suiteDXT đều có thể được sử dụng mà không cần kết nối mạng. Tuy nhiên, nếu được cấu hình để chuyển mạng thì chỉ cần thông tin Tiêu đề AE, địa chỉ IP và Cổng. Không cần/khuyến nghị bảo mật thêm.
- Truy cập khẩn cấp (EMRG) – Không có. Không sử dụng suiteHEART và suiteDXT trong các tình huống khẩn cấp.
- Dịch vụ từ xa (RMOT) – có thể thực hiện dịch vụ từ xa thông qua phương thức truy cập từ xa được chỉ định của khách hàng (chẳng hạn như máy tính để bàn từ xa). suiteHEART và suiteDXT không bao gồm quyền truy cập từ xa.
- Phát hiện/bảo vệ phần mềm độc hại (MLDP) – Không có. suiteHEART và suiteDXT không bao gồm tính năng phát hiện hoặc bảo vệ phần mềm độc hại. NeoSoft khuyến nghị sử dụng các sản phẩm An ninh mạng để bảo vệ.

Bắt đầu

Các chức năng trên màn hình chính

HÌNH 1. Màn hình chính

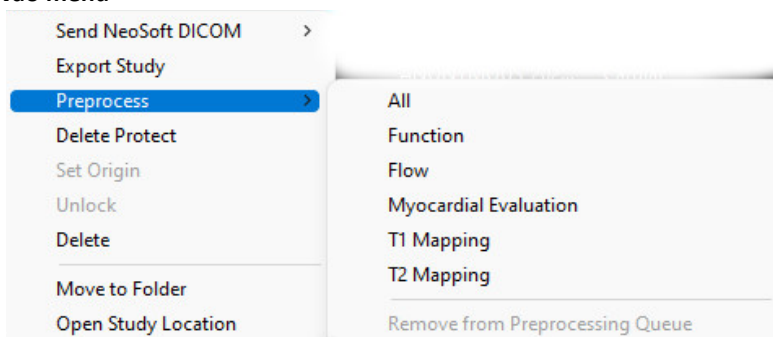
The screenshot displays the main interface of the suiteDXT software. At the top, there is a 'Launch Application' section with a dropdown menu set to 'suiteHEART' (1), a 'Launch' button (2), a 'Study Filter' dropdown set to 'All' (3), and a 'Refresh' button (4). On the right, there are 'Configuration' (5) and 'About' (6) buttons. Below this is a 'Studies: 227' section with a 'Find' button (9) and a search input field (8). A sidebar on the left contains buttons for 'Send' (10), 'Import' (11), 'Anonymize' (12), 'Delete' (13), 'New Folder' (14), and 'Data Export' (15). The main area features a table with columns: Patient Name, Patient ID, Study Description, Accession, Date/Time, Study ID, Transferred To, and Delete Protected. A green dot is visible next to 'Case 21 Current' (16). Below the studies table is a 'Series: 48' section with buttons for 'Send' (19), 'Delete' (20), and 'Show Preview' (21). It contains a table with columns: Series #, Images, Description, Start Time, Manufacturer, Transferred To, Transferred Date/Time, and Modality. A red '18' is placed over the 'Description' column. At the bottom, there is a status bar with 'Disk Usage: 49.51% (C:)' (22), 'Preprocessing: On' (23), 'Virtual Fellow®: On' (24), and 'No DICOM Network Activity' (25).

1. **Menu kéo xuống Khởi chạy ứng dụng** - liệt kê các ứng dụng được cấu hình.
2. **Khởi chạy** - khởi chạy các ứng dụng NeoSoft, LLC được cấu hình.
3. **Bộ lọc nghiên cứu** - xác định khoảng ngày mà các nghiên cứu được hiển thị trong danh sách nghiên cứu.
4. **Làm mới** - cập nhật dạng xem dựa trên tiêu chí do người dùng chọn.
5. **Cấu hình** - mở Cửa sổ cấu hình.
6. **Giới thiệu** - hiển thị phiên bản phần mềm suiteDXT/liên kết đến Hướng dẫn sử dụng, Tuyên bố tuân thủ DICOM, Thông tin pháp lý và Lưu trữ tệp nhật ký để được hỗ trợ.
7. **Tiêu đề nghiên cứu** - hiển thị số lượng nghiên cứu được lưu trữ trên máy chủ cục bộ.
8. **Trường tìm kiếm** - tự động tìm kiếm theo bất kỳ cột nào, với kết quả có hoặc không được phân loại.
9. **Tìm** - mở cửa sổ Truy vấn/Truy xuất.
10. **Gửi** - đẩy dữ liệu nghiên cứu cục bộ đến máy chủ từ xa. (Xem Hướng dẫn cài đặt để cấu hình máy chủ từ xa.)
11. **Nhập** - cho phép nhập thông tin nghiên cứu từ hệ thống tệp, CD, DVD hoặc phương tiện USB.
12. **Ẩn danh** - tạo nghiên cứu mới với dữ liệu cụ thể của bệnh nhân đã được xóa bỏ.
13. **Xóa** - xóa nghiên cứu khỏi danh sách nghiên cứu suiteDXT và xóa dữ liệu DICOM khỏi máy chủ cục bộ.
14. **Thư mục mới** - tạo thư mục để sắp xếp các nghiên cứu.
15. **Xuất dữ liệu** - xuất kết quả theo lô dưới dạng bảng tính Excel.
16. **Ô nghiên cứu** - hiển thị thông tin nghiên cứu cho các nghiên cứu được lưu trữ trên máy chủ cục bộ.
 - Có thể sắp xếp lại thứ tự tiêu đề của cột bằng cách nhấp và kéo tiêu đề của cột và sắp xếp bằng cách nhấp vào tiêu đề cột.

17. **Tiêu đề chuỗi ảnh** - hiển thị số lượng chuỗi ảnh trong nghiên cứu được chọn.
18. **Ô chuỗi ảnh** - hiển thị thông tin chuỗi ảnh cho nghiên cứu được chọn.
 - Có thể sắp xếp lại thứ tự tiêu đề của cột bằng cách nhấp và kéo tiêu đề của cột và sắp xếp bằng cách nhấp vào tiêu đề cột.
19. **Gửi** - đẩy dữ liệu chuỗi ảnh cục bộ đến máy chủ từ xa. (Xem Hướng dẫn cài đặt để cấu hình máy chủ từ xa.)
20. **Xóa** - xóa chuỗi ảnh khỏi nghiên cứu được chọn và xóa dữ liệu DICOM.
21. **Hiển thị xem trước** - xem trước chuỗi suiteHEART Virtual Fellow®, CAS cine và báo cáo CAS.
22. **Chỉ báo mức sử dụng ổ đĩa** - hiển thị tỷ lệ phần trăm của tổng dung lượng ổ đĩa cục bộ đã sử dụng để lưu dữ liệu hình ảnh.
23. **Trạng thái tiền xử lý** - cho biết trạng thái cấu hình tiền xử lý hiện tại (Bật/Tắt).
24. **Đèn báo trạng thái Virtual Fellow®** - cho biết trạng thái cấu hình hiện tại của Virtual Fellow® (Bật/Tắt).
25. **Trạng thái mạng** - hiển thị nếu suiteDXT hiện đang truyền dữ liệu DICOM qua mạng.

Nhấp chuột phải vào menu trong ô nghiên cứu

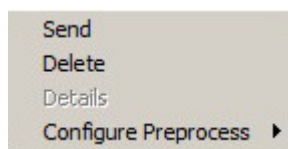
HÌNH 2. Nhấp chuột phải vào menu



- **Gửi tệp NeoSoft DICOM** - chỉ đẩy các tệp do phần mềm tạo ra từ máy chủ cục bộ sang máy chủ từ xa.
- **Xuất nghiên cứu** - lưu dữ liệu nghiên cứu, cho nhóm nghiên cứu đã chọn, trong tệp nén .zip.
- **Tiền xử lý** - thực hiện tiền xử lý tất cả các chuỗi ảnh được cấu hình hoặc chỉ chuỗi ảnh Chức năng, Lưu lượng, Đánh giá cơ tim, Ánh xạ T1 và Ánh xạ T2; để xóa nghiên cứu khỏi hàng đợi, chọn "Xóa khỏi Hàng đợi tiền xử lý".
- **Bảo vệ chống xóa** - cài đặt tính năng Bảo vệ chống xóa cho nghiên cứu (Có/Không)
- **Đặt nguồn gốc** - được quản trị viên mạng sử dụng để đặt tiêu đề AE nhằm kiểm soát quyền truy cập.
- **Mở khóa** - đặt lại khóa và mở nghiên cứu đã bị khóa sau khi bị tắt máy bất ngờ.
- **Xóa** - xóa nghiên cứu khỏi danh sách nghiên cứu suiteDXT và xóa dữ liệu DICOM khỏi máy chủ cục bộ.
- **Chuyển đến thư mục** - chuyển nghiên cứu đến thư mục được tạo.
- **Mở vị trí dữ liệu nghiên cứu** - hiển thị vị trí của dữ liệu DICOM trên hệ thống tệp cục bộ.

LƯU Ý: Không áp dụng chức năng Tiền xử lý cho ứng dụng NeoSoft CAKE™.

Nhấp chuột phải vào menu trong ô chuỗi ảnh

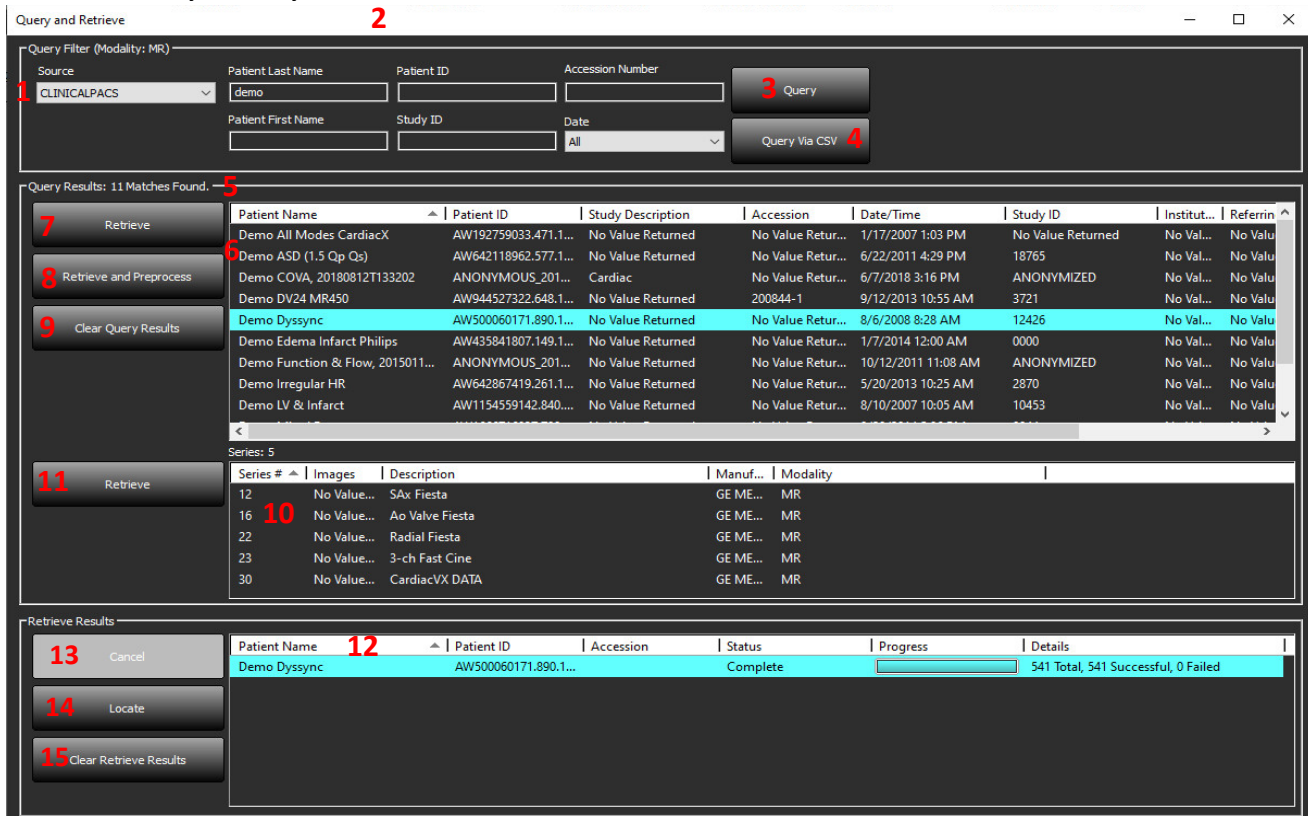


- **Gửi** - đẩy dữ liệu chuỗi ảnh cục bộ đến máy chủ từ xa.
- **Xóa** - xóa chuỗi ảnh khỏi nghiên cứu được chọn và xóa dữ liệu DICOM.
- **Chi tiết** - mở cửa sổ chi tiết chuỗi ảnh.
- **Cấu hình tiền xử lý** - tự động điền tên chuỗi ảnh cho chuỗi ảnh Chức năng, Lưu lượng, Đánh giá cơ tim, Ánh xạ T1 và Ánh xạ T2.

LƯU Ý: Không áp dụng Cấu hình tiền xử lý cho ứng dụng NeoSoft CAKE™.

Cửa sổ Truy vấn/Truy xuất

HÌNH 3. Cửa sổ truy vấn/truy xuất



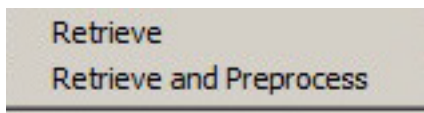
1. **Menu kéo xuống nguồn truy vấn** - hiển thị thiết bị từ xa được cấu hình có sẵn để truy vấn / truy xuất.
2. **Bộ lọc truy vấn** - có thể được sử dụng để tìm kiếm các nghiên cứu cụ thể theo Tên và họ của bệnh nhân, ID bệnh nhân, ID nghiên cứu, Mã số và ngày truy nhập. Có thể sử dụng * (dấu hoa thị) làm ký tự trong bất kỳ trường nào (ngoại trừ trường ngày).
3. **Truy vấn** - thực hiện truy vấn thiết bị từ xa. Nếu tất cả các trường được để trống, truy vấn sẽ trả lại toàn bộ kết quả.
4. **Truy vấn qua CSV** - thực hiện truy vấn thiết bị từ xa bằng tệp CSV định nghĩa sẵn.
5. **Kết quả truy vấn** - hiển thị số lượng nghiên cứu phù hợp với tiêu chí truy vấn.
6. **Ô kết quả truy vấn** - hiển thị thông tin nghiên cứu của thiết bị từ xa được truy vấn.
 - Có thể sắp xếp lại thứ tự tiêu đề của cột bằng cách nhấp và kéo tiêu đề của cột và sắp xếp bằng cách nhấp vào tiêu đề cột.
7. **Truy xuất** - thực hiện truy xuất nghiên cứu đã chọn từ thiết bị từ xa.
8. **Truy xuất và tiền xử lý** - thực hiện truy xuất và tiền xử lý nghiên cứu đã chọn từ thiết bị từ xa.
9. **Xóa kết quả truy vấn** - xóa kết quả truy vấn trong ô nghiên cứu.
10. **Ô chuỗi ảnh** - hiển thị thông tin chuỗi ảnh của nghiên cứu được đánh dấu trong ô nghiên cứu.
 - Có thể sắp xếp lại thứ tự tiêu đề của cột bằng cách nhấp và kéo tiêu đề của cột và sắp xếp bằng cách nhấp vào tiêu đề cột.
11. **Truy xuất** - thực hiện truy xuất chuỗi ảnh đã chọn từ thiết bị từ xa.
12. **Ô trạng thái truyền** - hiển thị tác vụ truy xuất hiện tại và đã hoàn thành.
 - Có thể sắp xếp lại thứ tự tiêu đề của cột bằng cách nhấp và kéo tiêu đề của cột.
13. **Hủy** - dừng hoạt động truyền.
14. **Tìm vị trí** - đánh dấu nghiên cứu đã truy xuất trong ô nghiên cứu Giao diện người dùng chính.
15. **Xóa kết quả truy xuất** - xóa hoạt động truyền trong ô truyền đối với các nghiên cứu đã hoàn thành quá trình truyền.



THẬN TRỌNG: Hình ảnh đã truyền sẽ được lưu giữ cục bộ và hiển thị trong Màn hình chính suiteDXT, mặc dù không phải tất cả các hình ảnh cho nghiên cứu đều có thể đã được truyền.

Nhấp chuột phải vào menu trong ô truy vấn/kết quả

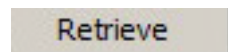
HÌNH 4. Nhấp chuột phải vào menu



- **Truy xuất** - thực hiện truy xuất nghiên cứu từ máy chủ từ xa.
- **Truy xuất và tiền xử lý** - thực hiện truy xuất và tiền xử lý nghiên cứu đã chọn từ thiết bị từ xa.

Nhấp chuột phải vào menu trong ô chuỗi ảnh

HÌNH 5. Nhấp chuột phải vào menu



- **Truy xuất** - thực hiện truy xuất chuỗi ảnh từ máy chủ từ xa.

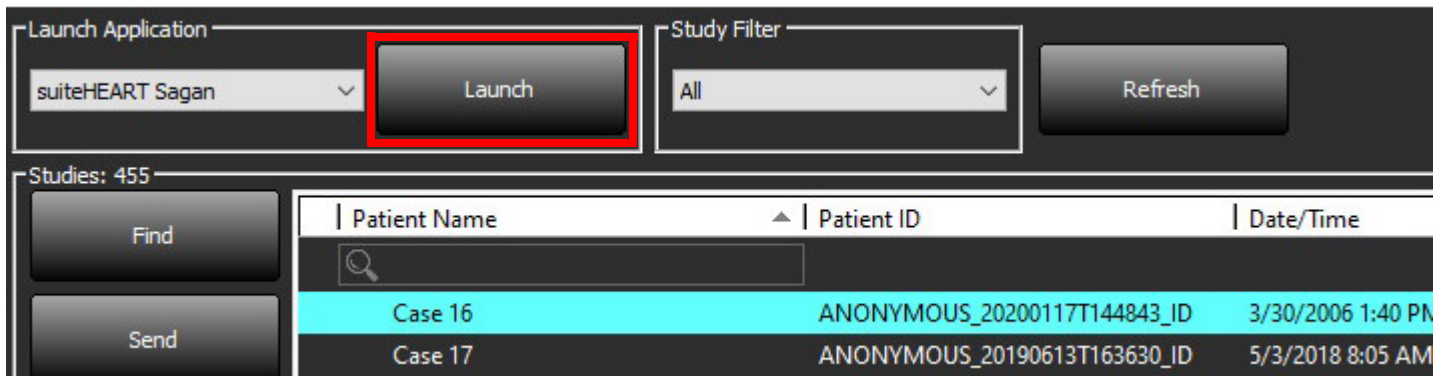
Sử dụng suiteDXT

Khởi chạy ứng dụng

Có thể thêm các ứng dụng khác theo hướng dẫn sau đây trong Hướng dẫn cài đặt.

1. Truy cập Màn hình chính.
2. Từ menu thả xuống Khởi chạy ứng dụng, chọn ứng dụng mong muốn.

HÌNH 1. Khởi chạy ứng dụng



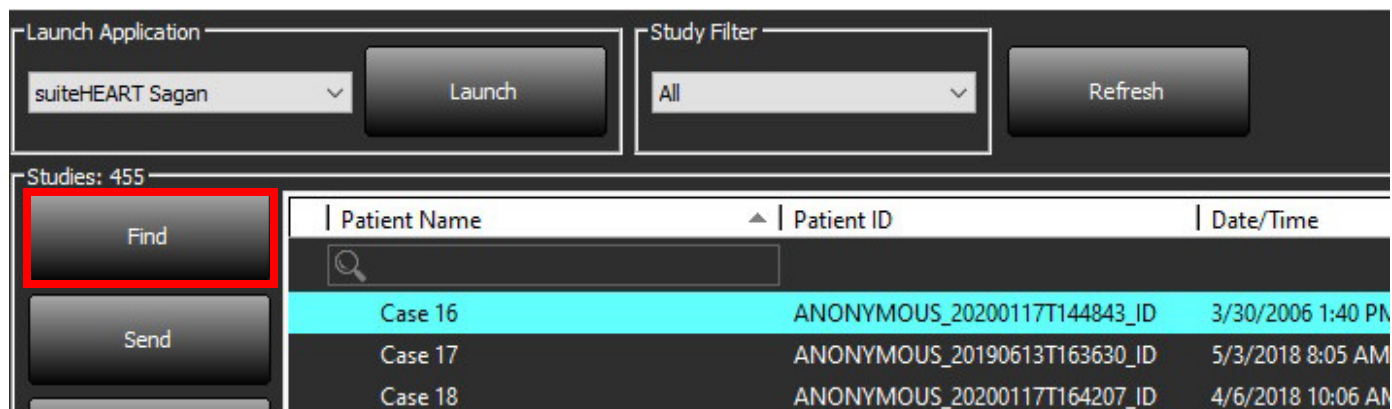
3. Chọn nghiên cứu từ danh sách nghiên cứu và thực hiện một trong các thao tác sau:
 - Chọn Khởi chạy.
 - Nhấp đúp vào nghiên cứu.

Truy xuất nghiên cứu hoặc chuỗi ảnh từ máy chủ từ xa

Máy chủ từ xa phải được định cấu hình sẵn để có thể truy cập. Để biết thông tin về cách định cấu hình máy chủ từ xa, xem Hướng dẫn cài đặt.

1. Chọn Tìm trên Màn hình chính.

HÌNH 2. Tìm trên Màn hình chính



Launch Application: suiteHEART Sagan [Launch]

Study Filter: All [Refresh]

Studies: 455

Patient Name	Patient ID	Date/Time
Case 16	ANONYMOUS_20200117T144843_ID	3/30/2006 1:40 PM
Case 17	ANONYMOUS_20190613T163630_ID	5/3/2018 8:05 AM
Case 18	ANONYMOUS_20200117T164207_ID	4/6/2018 10:06 AM

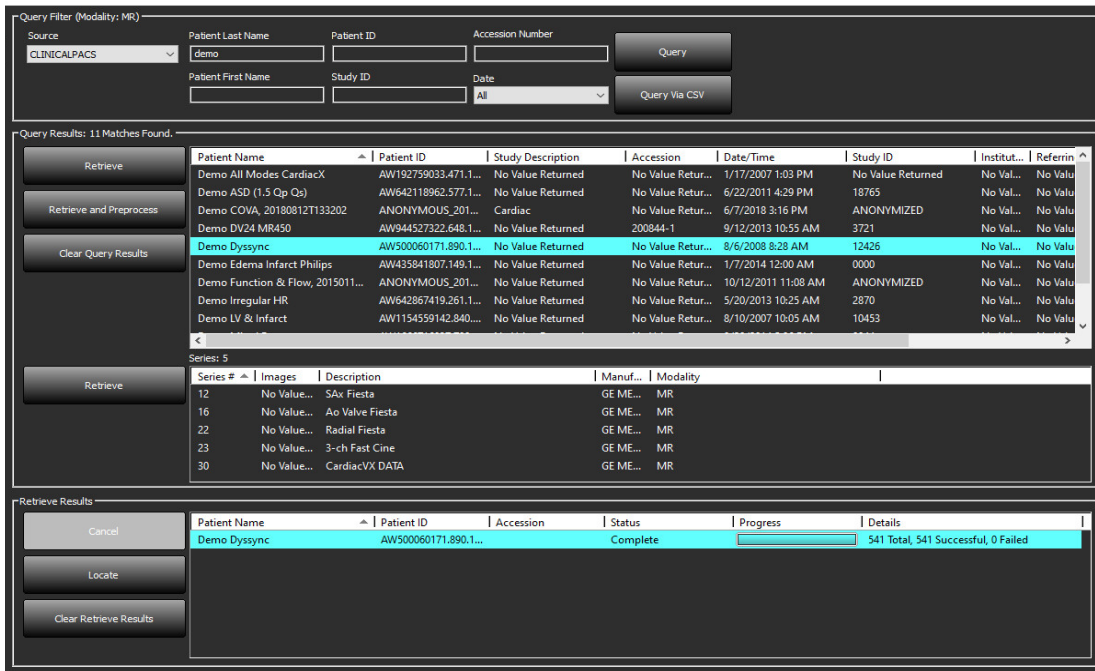
2. Trong cửa sổ Truy vấn/Truy xuất, nhập mọi tiêu chí về thông tin nghiên cứu trong vùng Bộ lọc truy vấn.

Các tùy chọn của Bộ lọc bao gồm:

- Họ của bệnh nhân
- Tên bệnh nhân
- ID bệnh nhân
- ID nghiên cứu
- Mã số truy nhập
- Khoảng ngày

LƯU Ý: Lựa chọn lưu bộ lọc chỉ khả dụng nếu NeoSoft có yêu cầu.

HÌNH 3. Cửa sổ Truy vấn/Truy xuất



3. Từ menu kéo xuống Nguồn truy vấn, chọn máy chủ từ xa.
4. Chọn Truy vấn hoặc Truy vấn qua CSV.
5. Nếu thực hiện Truy vấn qua CSV hãy chọn tệp CSV.

Các nghiên cứu phù hợp với tiêu chí mà bạn đã nhập hoặc từ tệp CSV sẽ được đưa vào danh sách nghiên cứu.

Thao tác nhấp vào nghiên cứu sẽ hiển thị danh sách thông tin chuỗi ảnh.

LƯU Ý: Để Truy vấn qua CSV phải tạo một tệp CSV. Có thể tìm thấy mẫu để tạo tệp CSV tại C:\ProgramData\NeoSoft, LLC\suiteDXT\Import\Import_Template.csv

Tệp CSV này phải có các trường sau đây:

Họ của bệnh nhân	Tên bệnh nhân	ID bệnh nhân	ID nghiên cứu	Ngày nghiên cứu YYYYmmdd	Mã số truy nhập
------------------	---------------	--------------	---------------	-----------------------------	-----------------

6. Chọn một nghiên cứu hoặc một nhóm các nghiên cứu.
7. Chọn Truy xuất dưới danh sách nghiên cứu hoặc nhấp chuột phải và chọn Truy xuất từ menu bật lên.
8. Thực hiện tiền xử lý bằng cách chọn Truy xuất và Tiền xử lý.
9. Để truy xuất theo chuỗi ảnh, chọn chuỗi ảnh và nhấp vào Truy xuất bên dưới danh sách chuỗi ảnh.

Tiến trình truy xuất được hiển thị trong mục Kết quả truy xuất phía dưới cửa sổ. Trong khi ở phía dưới của Màn hình chính, trạng thái “Không có hoạt động mạng DICOM” được thay đổi thành “Mạng DICOM hoạt động”.

LƯU Ý: Trong trường hợp nghiên cứu không chuyển sang toàn bộ, đèn báo tiến trình sẽ chuyển thành màu đỏ.

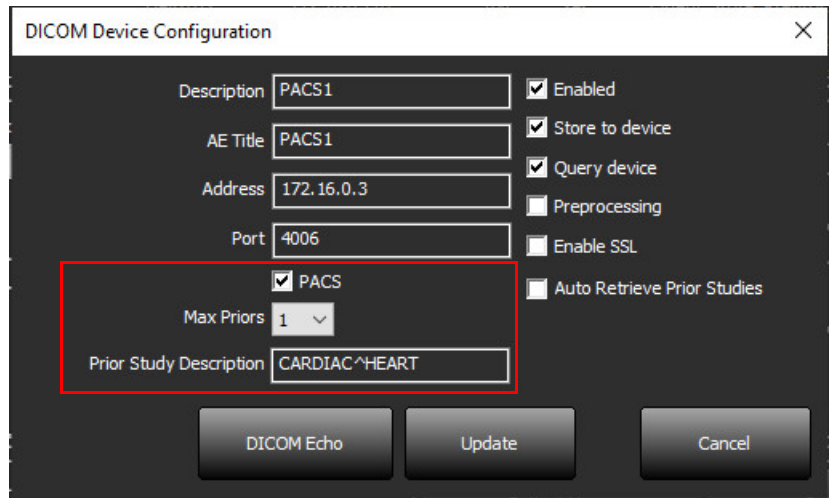
Tự động truy xuất nghiên cứu trước đó

Máy chủ từ xa phải được định cấu hình sẵn để có thể truy cập. Để biết thông tin về cách định cấu hình máy chủ từ xa, xem Hướng dẫn cài đặt. Việc định cấu hình truy xuất tự động sẽ cho phép các nghiên cứu trước đó được tự động truy xuất vào cơ sở dữ liệu DXT từ một máy chủ từ xa như PACS.

Để định cấu hình từ nơi các nghiên cứu trước đó sẽ được truy xuất:

LƯU Ý: Chỉ có thể định cấu hình một máy chủ DICOM từ xa.

1. Trên Màn hình chính, chọn Cấu hình.
2. Trong phần Đích DICOM, hãy đánh dấu hệ thống PACS và nhấp vào Chỉnh sửa.
3. Chọn PACS.
4. Chọn số lượng nghiên cứu trước đó sẽ được truy xuất bằng cách sử dụng menu kéo xuống Max Priors (Trước đó tối đa). Nhập các điều khoản cho trường văn bản Mô tả nghiên cứu trước đó. Đây là các điều khoản dùng để xác định nghiên cứu sẽ được truy xuất bằng cách dùng trường Mô tả nghiên cứu. Các điều khoản mặc định là CARDIAC^HEART.
5. Nhấp vào Cập nhật.
6. Nhấp vào Áp dụng và Đóng.



DICOM Device Configuration

Description: PACS1 Enabled

AE Title: PACS1 Store to device

Address: 172.16.0.3 Query device

Port: 4006 Preprocessing

PACS Enable SSL

Max Priors: 1 Auto Retrieve Prior Studies

Prior Study Description: CARDIAC^HEART

DICOM Echo Update Cancel

Để định cấu hình các nghiên cứu nào sẽ tạo ra lượt truy xuất nghiên cứu trước đó:

1. Trên Màn hình chính, chọn Cấu hình.
2. Trong phần Đích DICOM, hãy chọn máy chủ từ xa nào sẽ tự động tạo các truy xuất nghiên cứu trước đó dựa trên lượt nghiên cứu đến từ các đích này bằng cách đánh dấu đích đến và nhấp vào Chính sửa.
3. Chọn Tự động truy xuất nghiên cứu trước đó.
4. Nhấp vào Cập nhật.
5. Nhấp vào Áp dụng và Đóng.

LƯU Ý: Nếu kích hoạt tính năng đẩy tiền xử lý cho đích DICOM đó, nghiên cứu sẽ được tiền xử lý nếu không có dữ liệu suiteHEART nào.

The screenshot shows a 'DICOM Device Configuration' dialog box with the following fields and options:

- Description: SCANNER1
- AE Title: SCANNER1
- Address: 192.168.1.00
- Port: 11112
- Max Priors: 1
- Prior Study Description: CARDIAC/HEART
- Enabled:
- Store to device:
- Query device:
- Preprocessing:
- Enable SSL:
- Auto Retrieve Prior Studies: (highlighted with a red box)

Buttons at the bottom: DICOM Echo, Update, Cancel.

Gửi nghiên cứu đến máy chủ từ xa

Máy chủ từ xa phải được định cấu hình sẵn để có thể truy cập. Để biết thông tin về cách định cấu hình máy chủ từ xa, xem Hướng dẫn cài đặt.

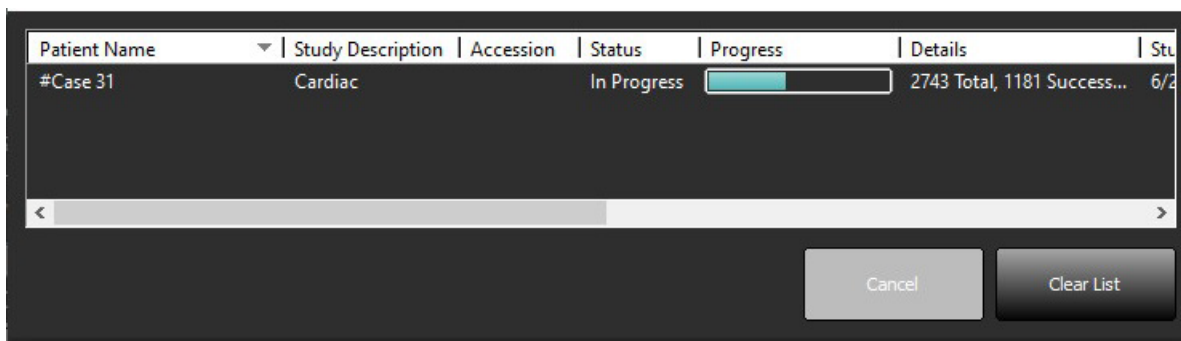
LƯU Ý: suiteDXT hỗ trợ nén Nguyên vẹn JPEG, tuy nhiên tập hợp con của định dạng này không được hỗ trợ.

1. Đánh dấu nghiên cứu cần gửi.
2. Chọn Gửi hoặc nhấp chuột phải và chọn Gửi nghiên cứu từ menu bật lên.
3. Chọn đích cần gửi đến.
4. Chọn Gửi trên cửa sổ bật lên.

Cửa sổ Gửi DICOM sẽ hiển thị tiến trình truyền. Có thể đóng cửa sổ này bằng cách nhấp vào dấu X ở góc trên bên phải, trong khi hoạt động truyền chạy ở chế độ nền.

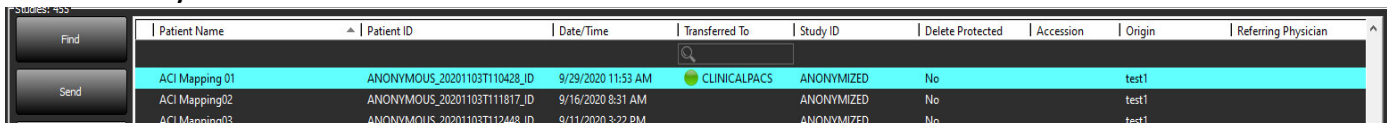
Để kiểm tra tiến trình sau khi cửa sổ Gửi DICOM đóng, chọn Gửi, sau đó chọn Trạng thái.

HÌNH 4. Cửa sổ Gửi DICOM



5. Những nghiên cứu đã được truyền thành công sẽ hiển thị Máy chủ từ xa trong cột Truyền đến trên danh sách nghiên cứu chính.

HÌNH 5. Truyền đến



The screenshot shows a table with columns: Patient Name, Patient ID, Date/Time, Transferred To, Study ID, Delete Protected, Accession, Origin, and Referring Physician. The first row is highlighted in blue and shows "ACI Mapping 01", "ANONYMOUS_20201103T110428_ID", "9/29/2020 11:53 AM", "CLINICALPACS", "ANONYMIZED", "No", "test1".

Patient Name	Patient ID	Date/Time	Transferred To	Study ID	Delete Protected	Accession	Origin	Referring Physician
ACI Mapping 01	ANONYMOUS_20201103T110428_ID	9/29/2020 11:53 AM	CLINICALPACS	ANONYMIZED	No	test1		
ACI Mapping 02	ANONYMOUS_20201103T111817_ID	9/16/2020 8:31 AM		ANONYMIZED	No	test1		
ACI Mapping 03	ANONYMOUS_20201103T112448_ID	9/11/2020 3:22 PM		ANONYMIZED	No	test1		

Gửi chuỗi ảnh đến máy chủ từ xa

1. Đánh dấu nghiên cứu.
2. Đánh dấu chuỗi ảnh được yêu cầu.
3. Chọn Gửi hoặc nhấp chuột phải và chọn Gửi từ menu bật lên.
4. Chọn đích cần gửi đến.
5. Chọn Gửi trên cửa sổ bật lên.
6. Chuỗi ảnh đã được truyền thành công sẽ hiển thị Máy chủ từ xa trong cột Truyền đến trong ô chuỗi ảnh.

HÌNH 6. Ô chuỗi ảnh truyền

Series #	Images	Description	Modality	Manufacturer	Transferred To	Transferred Date
101	50	Survey	MR	Philips Healthcare	CLINICALPACS	10/8/2020 12:52:32 PM
201	30	SSFP_AX	MR	Philips Healthcare	CLINICALPACS	10/8/2020 12:52:32 PM
301	30	BB_SSh_BH	MR	Philips Healthcare	CLINICALPACS	10/8/2020 12:52:32 PM

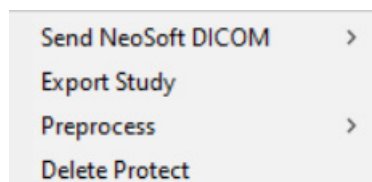
Đèn báo ô nghiên cứu

Đèn báo	Trạng thái
Hình tròn màu xanh lam nhạt	Chưa hoàn thành quá trình truyền hình ảnh hoặc hình ảnh đã được truyền đến nhiều máy chủ từ xa.
Hình tròn màu xanh lá	Tất cả hình ảnh trong nghiên cứu đã được truyền đến một máy chủ từ xa.

Gửi tệp NeoSoft DICOM

Các tệp đã được tạo bằng phần mềm có thể được kết nối riêng.

1. Đánh dấu nghiên cứu.
2. Nhấp chuột phải và chọn Gửi NeoSoft DICOM.
3. Chọn đích DICOM.



Nhập nghiên cứu

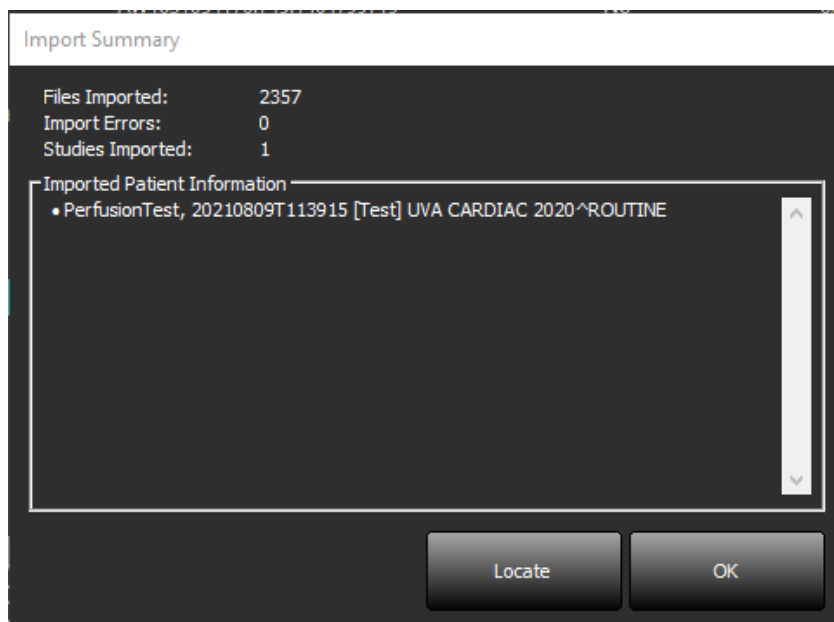
Nghiên cứu chứa dữ liệu DICOM có thể được nhập từ hệ thống tệp cục bộ, ổ đĩa được ánh xạ, CD, DVD và USB, bao gồm nhập các thư mục đã được nén. Sau khi chèn một trong các phương tiện chứa dữ liệu DICOM mong muốn, hãy làm theo các bước dưới đây.

LƯU Ý: suiteDXT hỗ trợ nén Nguyên vẹn JPEG, tuy nhiên tập hợp con của định dạng này không được hỗ trợ.

1. Trên Màn hình chính, chọn Nhập.
2. Điều hướng đến vị trí chứa dữ liệu DICOM.
3. Nhấp vào Chọn.

Cửa sổ Tiến trình nhập tệp hiển thị trạng thái nhập tệp DICOM. Tóm tắt nhập hiển thị tổng số tệp được tìm thấy, tệp được nhập, số lượng nghiên cứu và thông tin về nghiên cứu được nhập.

(Các) nghiên cứu mới được nhập được bổ sung vào danh sách nghiên cứu trên Màn hình chính của suiteDXT. Nếu đã chọn một thư mục, nghiên cứu sẽ nhập vào thư mục đó.



Có thể nhập dữ liệu mẫu được cung cấp vào suiteDXT.

LƯU Ý: Nếu nghiên cứu không nhập toàn bộ, nhấp vào Thử lại trên màn hình Tóm tắt nhập.

Xuất nghiên cứu

Các nghiên cứu đã được phân tích có thể được xuất từ danh mục nghiên cứu chính ở định dạng tệp .zip.

1. Tùy chỉnh tên tệp bằng cách nhấp vào Cấu hình trên Màn hình chính.
2. Trong phần Mẫu hình tên tệp xuất, hãy chọn các thuộc tính tệp mong muốn như được hiển thị trong Hình 7.
3. Nhấp vào Áp dụng và Đóng.
4. Đánh dấu nghiên cứu hoặc chọn nhóm nghiên cứu bằng cách nhấn Ctrl +Shift.
5. Nhấp chuột phải và chọn Xuất.
6. Chọn vị trí xuất thích hợp.
7. Chọn Lưu.


HÌNH 7. Xuất mẫu tên tệp



Thực hiện tìm kiếm

Mỗi cột có thể được tự động tìm kiếm với kết quả có hoặc không được phân loại. Kết quả tìm kiếm không phân biệt chữ hoa/chữ thường và sẽ tự động hiển thị kết quả lên đầu danh sách.

Patient Name	Patient ID	Date/Time	Transferred To	Study ID	Delete Protected	Accession	Origin
Case							
SH Case 10	AW2091044406.251.1412004870	6/22/2011 4:29 PM		18765	No		tritonrc
SH Case 14, 20140929T165736	ANONYMOUS_20140929T165736_ID	8/10/2007 10:05 AM		ANONYMIZED	No		tritonrc

- Sau khi tìm được kết quả đầu tiên, thao tác nhấn vào phím ENTER trên bàn phím hoặc mũi tên trong trường tìm kiếm sẽ giúp chuyển sang kết quả tiếp theo.
- Thao tác nhấn đồng thời phím ENTER và phím SHIFT trên bàn phím sẽ giúp chọn kết quả trước đó.
- Thao tác nhấn phím ENTER, có hoặc không nhấn phím SHIFT, trên bàn phím khi kết thúc kết quả tìm kiếm sẽ chuyển bạn đến vị trí bắt đầu của kết quả tìm kiếm.
- Trường tìm kiếm sẽ bị xóa sau khi nhấn .

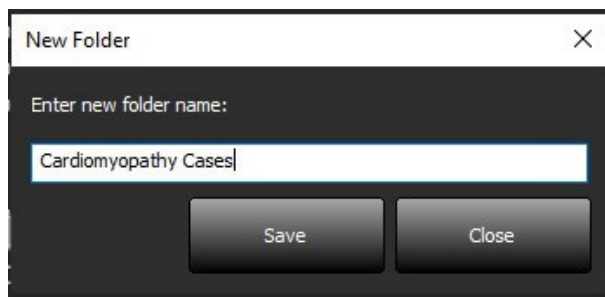
LƯU Ý: Để tìm kiếm bao gồm các thư mục trong danh sách nghiên cứu, phải mở rộng thư mục. Nhấp chuột phải vào thư mục và chọn Mở rộng tất cả.

Tạo thư mục

Có thể tạo thư mục để sắp xếp các nghiên cứu ở cấp danh sách nghiên cứu. Chúng sẽ được nhóm lại ở đầu danh sách nghiên cứu.

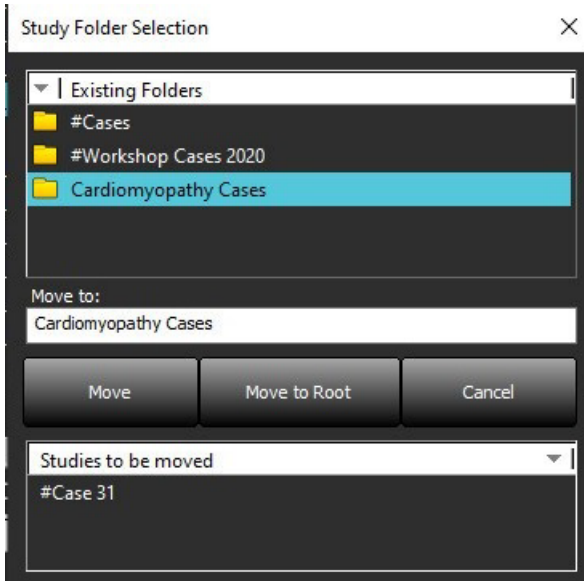
1. Nhấp vào Thư mục mới.
2. Nhập tên thư mục và nhấp vào Lưu.

Giờ đây thư mục sẽ ở trong danh sách nghiên cứu.



3. Chuyển nghiên cứu đến thư mục bằng cách nhấp chuột phải vào nghiên cứu và chọn Chuyển đến thư mục.
4. Khi hộp thoại Thư mục mở ra, hãy chọn thư mục đúng để chuyển nghiên cứu vào.

HÌNH 8. Chọn thư mục



5. Chuyển nghiên cứu trở lại danh mục chính bằng cách nhấp vào nghiên cứu và chọn Chuyển đến thư mục.
6. Nhấp vào Chuyển đến gốc.

Ẩn thông tin của nghiên cứu



THẬN TRỌNG: Thao tác ẩn thông tin của nghiên cứu không làm xóa dữ liệu bệnh nhân khỏi hình ảnh được tạo từ phần mềm hậu xử lý khác.



THẬN TRỌNG: Chỉ nên sử dụng nghiên cứu được ẩn thông tin với các ứng dụng NeoSoft, LLC.

1. Trên Màn hình chính, chọn nghiên cứu cần ẩn thông tin.
2. Chọn Ẩn thông tin.
3. Điền vào các trường ẩn thông tin hiển thị trong Hình 9.
4. Để không đưa các chuỗi ảnh chụp thứ cấp NeoSoft vào, hãy bỏ chọn tùy chọn này.
5. Nhấp vào Ẩn thông tin.

HÌNH 9. Ẩn thông tin của nghiên cứu

Đèn báo tiến trình sẽ hiển thị. Nghiên cứu mới được ẩn thông tin sẽ xuất hiện trong danh sách nghiên cứu.

6. Nhấp vào “OK” trên cửa sổ bật lên Ẩn thông tin của nghiên cứu.

LƯU Ý: Tính năng ẩn thông tin khả dụng cho mục đích hỗ trợ NeoSoft.

Bảo vệ chống xóa

Để cài đặt bảo vệ chống xóa cho nghiên cứu, nhấp chuột phải vào nghiên cứu và chọn Bảo vệ chống xóa. Cột đèn báo sẽ hiển thị “Có” cho các nghiên cứu được bảo vệ và “Không” cho các nghiên cứu không được bảo vệ như được minh họa trong Hình 10. Để tắt tính năng bảo vệ chống xóa, nhấp chuột phải và chọn Gỡ bỏ bảo vệ chống xóa.

HÌNH 10. Đèn báo của cột bảo vệ chống xóa

Patient Name	Patient ID	Date/Time	Transferred To	Delete Protected	Study ID
SH Case 21	AW712995506.906.1442511336	9/12/2013 10:55 AM		Yes	3721
SH Case 22	AW1908138422.466.1442956310	12/16/2013 10:28 AM		Yes	MCARD
SH Case 23, 20150819T112311	ANONYMOUS_20150819T112311_ID	1/13/2014 12:00 AM	test1	No	ANONYMIZED
SH Case 24, 20151028T104232	ANONYMOUS_20151028T104232_ID	11/6/2014 11:20 AM		No	ANONYMIZED

Xóa nghiên cứu



THẬN TRỌNG: Xóa dữ liệu khỏi hệ thống tệp, bao gồm các tệp cho nghiên cứu mở hiện tại, có thể khiến mất dữ liệu phân tích/hình ảnh.

Từ Màn hình chính, chọn nghiên cứu cần xóa và chọn Xóa hoặc nhấp chuột phải và chọn Xóa khỏi menu bật lên. Thao tác “Nhấp giữ phím Shift” hoặc “Nhấp giữ phím Ctrl” sẽ chọn nhiều nghiên cứu để xóa khỏi danh sách.

Xóa chuỗi ảnh

Từ Màn hình chính, chọn nghiên cứu sau đó chọn chuỗi ảnh và chọn Xóa. Thao tác “Nhấn giữ phím Shift” hoặc “Nhấn giữ phím Ctrl” sẽ chọn nhiều chuỗi ảnh từ danh sách.

LƯU Ý: Khuyến nghị thực hiện xóa mọi chuỗi ảnh trước khi bắt đầu bất kỳ phân tích nào.

Xóa chuỗi ảnh chụp thứ cấp

Chuỗi ảnh chụp thứ cấp đã xác định NeoSoft, LLC là nhà sản xuất có thể bị xóa.



THẬN TRỌNG: Thao tác xóa chuỗi ảnh dữ liệu suiteHEART sẽ khiến xóa toàn bộ kết quả phân tích.

1. Chọn nghiên cứu và định vị chuỗi ảnh DỮ LIỆU suiteHEART.
2. Nhấp vào số chuỗi ảnh hoặc dấu + để mở cửa sổ Chi tiết chuỗi ảnh.

HÌNH 11. Chọn chuỗi ảnh

Send	Series #	Images	Description	Start Time	Manufacturer	Transferred To	Transferred Date/Time	Modality
	3200	9	[Loc:-63.99] + C SMARTIMap FIESTA	10:50 AM	GE MEDICAL SYSTEMS			MR
	3210	9	[Loc:-77.54] + C SMARTIMap FIESTA	10:50 AM	GE MEDICAL SYSTEMS			MR
Delete	3220	9	[Loc:-91.09] + C SMARTIMap FIESTA	10:50 AM	GE MEDICAL SYSTEMS			MR
Show Preview	3500	14	MAG:2D PSMDE	10:55 AM	GE MEDICAL SYSTEMS			MR
	3600	3	MAG:2D PSMDE	11:02 AM	GE MEDICAL SYSTEMS			MR
	3700	3	MAG:2D PSMDE	11:03 AM	GE MEDICAL SYSTEMS			MR
	3701	1	CAS_SCPT_SERIES AUTO_T1_MOLLI_1		NeoSoft LLC			MR
	3702	1	CAS_SCPT_SERIES AUTO_T1_SMART_1		NeoSoft LLC			MR
	3703	1	CAS_SCPT_SERIES AUTO_T1_SMART_2		NeoSoft LLC			MR
	3713	2	suiteHEART DATA		NeoSoft LLC			MR
	3716	20	SAX Fiesta		NeoSoft LLC			MR
	3717	1	PS2D PSMDE		NeoSoft LLC			MR

3. Chọn mũi tên phù hợp, nhấp vào Xóa. Để đóng, nhấp vào dấu X (ở góc trên bên phải của cửa sổ) hoặc nhấp vào **Đóng**.

HÌNH 12. Chi tiết chuỗi ảnh

Series Details ×

Series Details
Description:[suiteHEART DATA] Number:[3713] Modality:[MR] Manufacturer:[NeoSoft LLC]

SOP Instance UID	Date/Time	Number
1.2.826.0.1.3680043.9.1400.2.1653576577.400	5/26/2022 9:49 AM	1
1.2.826.0.1.3680043.9.1400.5.1653576676.605	5/26/2022 9:51 AM	2

Delete Close

Giới thiệu về suiteDXT

Thao tác chọn Giới thiệu trên Màn hình chính sẽ hiển thị phiên bản phần mềm của suiteDXT

Nhấp vào liên kết “Hướng dẫn sử dụng” để khởi chạy Hướng dẫn sử dụng (IFU).

Nhấp vào liên kết “Tuyên bố hợp quy DICOM” để khởi chạy tài liệu Tuyên bố hợp quy DICOM.

Nhấp vào liên kết “Thông tin pháp lý” để mở Thông tin pháp lý.

LƯU Ý: Cần có trình đọc PDF để mở tài liệu này.

LƯU Ý: Nhấp vào “Lưu trữ tệp nhật ký để được hỗ trợ” để tạo tệp sẽ được bộ phận Dịch vụ sử dụng để khắc phục sự cố.

HÌNH 13. Màn hình giới thiệu



Tiền xử lý nghiên cứu

LƯU Ý: Không áp dụng phần này cho ứng dụng NeoSoft CAKE™.

Tính năng Tiền xử lý nghiên cứu chỉ khả dụng với ứng dụng Phần mềm suiteHEART®. Tính năng này cho phép việc tiền xử lý Chức năng, Lưu lượng, Đánh giá cơ tim, Ảnh xạ T1 và Ảnh xạ T2. Có thể sử dụng tính năng tiền xử lý cùng với tính năng Virtual Fellow®.

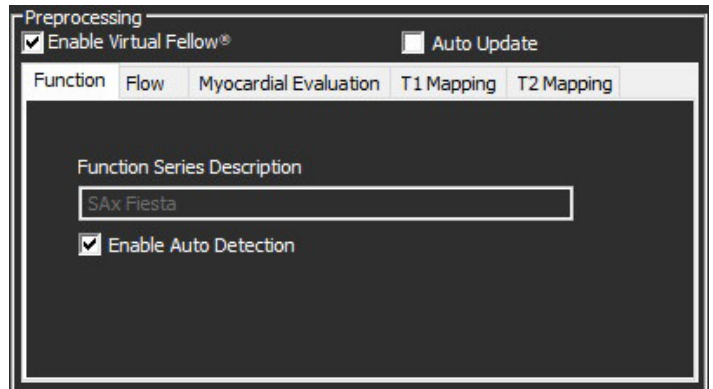
LƯU Ý: Tính năng tiền xử lý sẽ bị vô hiệu hóa nếu phần cứng không đáp ứng các yêu cầu tối thiểu của hệ thống.

Cấu hình tiền xử lý

1. Trên Màn hình chính, chọn Cấu hình.
2. Trong phần Tiền xử lý, chọn “Bật tính năng tự động phát hiện” cho từng loại ứng dụng.

LƯU Ý: Có thể tắt tính năng Tự động phát hiện bằng cách xác định tên chuỗi ảnh. Tham khảo Xác định mô tả chuỗi ảnh bên dưới.

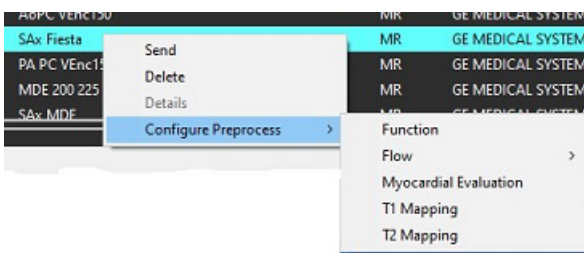
3. Đối với chức năng Ảnh xạ T1 và T2, hãy chọn loại chuỗi ảnh của Chuỗi ảnh thời gian hoặc Bản đồ.
4. Chọn “Bật Virtual Fellow®” để thực hiện tối ưu hóa hình ảnh.
5. Chọn “Tự động cập nhật” để kích hoạt khởi chạy nghiên cứu với quá trình xử lý được chạy ngầm.
6. Nhấp vào Áp dụng và Đóng.



Xác định mô tả chuỗi ảnh

1. Trên Màn hình chính, chọn một nghiên cứu từ ô nghiên cứu.
2. Chọn chuỗi ảnh từ ô chuỗi ảnh.
3. Nhấp chuột phải trên tên chuỗi ảnh và chọn loại phân tích thích hợp cho chuỗi ảnh đó.

Tên chuỗi ảnh sẽ tự động được nhập trong phần Tiền xử lý.



4. Lặp lại đối với tất cả các loại chuỗi ảnh khác.

Sử dụng tính năng tiền xử lý

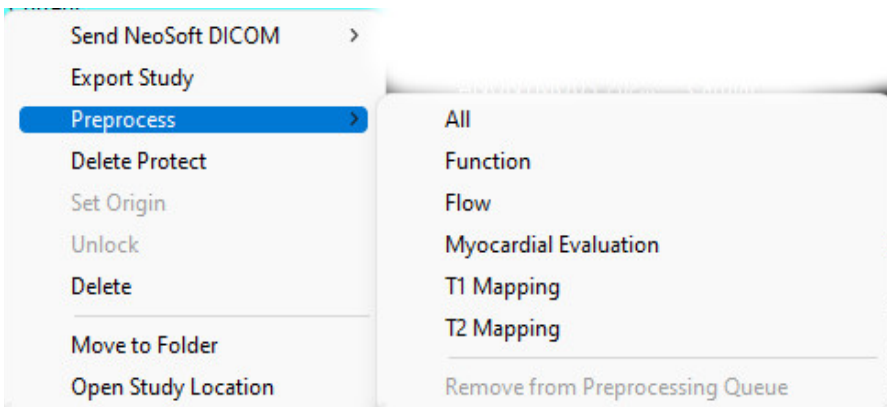
Tính năng tiền xử lý có thể được thực hiện cho các nghiên cứu MRI tim được gửi/đẩy trực tiếp đến suiteDXT từ một nút DICOM khác.

LƯU Ý: Khi kích hoạt tính năng Tự động cập nhật, có thể khởi chạy các nghiên cứu trong khi quá trình xử lý diễn ra trong nền.

Có thể bắt đầu tính năng tiền xử lý như sau:

Ô nghiên cứu

1. Chọn bệnh nhân từ ô nghiên cứu.
2. Nhấp chuột phải và chọn Tiền xử lý từ menu.

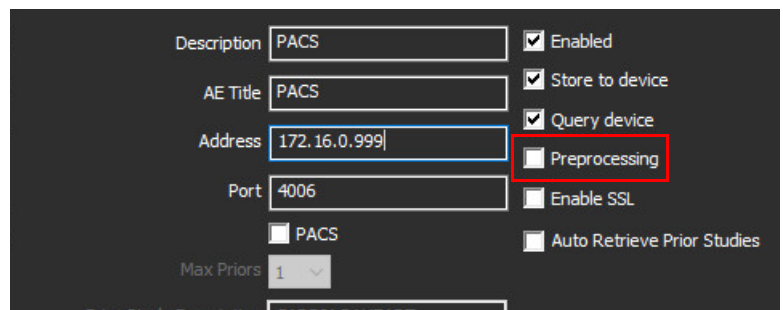


Cửa sổ truy vấn/truy xuất

Tham khảo mục Truy vấn/Truy xuất trong “Bắt đầu” và “Sử dụng suiteDXT”.

Nút DICOM gửi tới suiteDXT

1. Trên Màn hình chính, chọn Cấu hình.
2. Trong phần Đích DICOM, chọn điểm nút DICOM và nhấp vào Chỉnh sửa.
3. Chọn mục Tiền xử lý.
4. Nhấp vào Cập nhật.
5. Nhấp vào Áp dụng và Đóng.



Khi chọn “Tiền xử lý” và cấu hình tiền xử lý thì đèn báo “Tiền xử lý: BẬT” sẽ được hiển thị trong ô trạng thái.



Đèn báo ô nghiên cứu

Đèn báo	Trạng thái
Hình tròn màu xanh lam nhạt	Nghiên cứu đang được xử lý trước.
Hình tròn màu xanh lam đậm	Nghiên cứu đang trong hàng đợi.
Hình tròn màu xanh lá	Hoàn thành tiền xử lý. Đèn báo sẽ vẫn sáng cho đến khi nghiên cứu đã được mở.
Hình tròn màu đỏ	Tiền xử lý không thành công, vui lòng liên lạc với NeoSoft bằng cách gửi email đến địa chỉ service@neosoftmedical.com

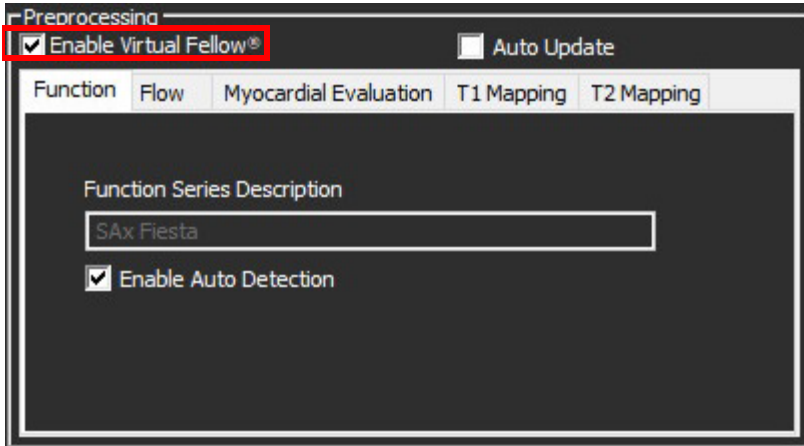
Find	Patient Name	Patient ID	Date/Time	Transferred To	Delete Protected	Study ID	Access
	SH Case 31, 20161027T111015	ANONYMOUS_20161027T111015_ID	4/5/2016 2:46 PM		No	ANONYMIZED	
Send	SH Case 33, 20171006T105644	ANONYMOUS_20171006T105644_ID	7/6/2017 10:15 AM		No	ANONYMIZED	
	SH Case 37, 20190518T140428	ANONYMOUS_20190518T140428_ID	6/10/2016 11:52 AM		No	ANONYMIZED	
Import	SH Case 38	ANONYMOUS_20210126T145814_ID	8/11/2020 8:36 AM		No	ANONYMIZED	
	SH Case 39	ANONYMOUS_20210203T144600_ID	6/21/2017 1:34 PM		No	ANONYMIZED	
	SH Case 40	ANONYMOUS_20220303T140428_ID	7/20/2022 12:46 PM		No	ANONYMIZED	

Virtual Fellow®

Bật/tắt Virtual Fellow®

1. Từ màn hình chính suiteDXT hãy nhấp vào Cấu hình.
2. Trong phần Tiền xử lý, hãy chọn “Bật Virtual Fellow®” để thực hiện tối ưu hóa hình ảnh.
3. Nhấp vào Áp dụng và Đóng.

HÌNH 1. Cấu hình Tiền xử lý



Cửa sổ xem trước hình ảnh



CẢNH BÁO: Hình ảnh không phù hợp để chẩn đoán và/hoặc điều trị.

Từ màn hình chính suiteDXT, chuyển đổi cửa sổ xem trước để hiển thị hoặc ẩn.

LƯU Ý: Nếu nghiên cứu được chọn bao gồm chuỗi suiteHEART Virtual Fellow®, CAS Cine và/hoặc Báo cáo CAS, thì các chuỗi này sẽ tự động hiển thị trong cửa sổ xem trước, như được minh họa trong Hình 2.

HÌNH 2.

Launch Application: suiteHEART [Launch] Study Filter: All [Refresh]

Studies: 227

Patient Name	Patient ID	Study Description	Accession
Case 13	ANONYMOUS_202...	Cardiac	
Case 14	ANONYMOUS_202...	Cardiac	
Case 16	ANONYMOUS_202...	Fx ARVD MDE	
Case 18	ANONYMOUS_202...	Cardiac	
Case 19	ANONYMOUS_202...	Cardiac	
Case 20	ANONYMOUS_202...	CardiacFx MDE	
Case 21 Current	2222	Cardiac	
Case 21 Prior	2222	Cardiac	
Case 22	ANONYMOUS_202...	Cardiac	
Case 24	ANONYMOUS_202...	MRFP SP	
Case 25	ANONYMOUS_201...	Cardiac	
Case 26	ANONYMOUS_202...	Cardiac	
Case 29	ANONYMOUS_201...	MR HEART FOR FUNCTI...	
Case 33	ANONYMOUS_201...	Cardiac	

Series: 49

Series #	Images	Description	Start Ti...	Manufacturer
3400	3	MAG:2D PSMDE	5:15 PM	GE MEDICAL SYSTEMS
3401	1	CAS_SCPT_SERIES AUTO_T1_SMART_1		NeoSoft LLC
3402	1	CAS_SCPT_SERIES AUTO_T1_SMART_2		NeoSoft LLC
3412	2	suiteHEART DATA		NeoSoft LLC
3415	1	CAS_SCPT_SERIES AUTO_FUNCTION_LAX		NeoSoft LLC
3416	20	SÀx Fiesta		NeoSoft LLC
3417	1	PS:2D PSMDE		NeoSoft LLC
3418	1	MAG:2D PSMDE		NeoSoft LLC
3419	30	MoCo FGRE Time Course + MotionCorrection		NeoSoft LLC
3420	30	FGRE Time Course + MotionCorrection		NeoSoft LLC

DISCLAIMER: Images are not suitable for diagnosis and/or treatment.

Cửa sổ xem trước

Các nút điều khiển cine

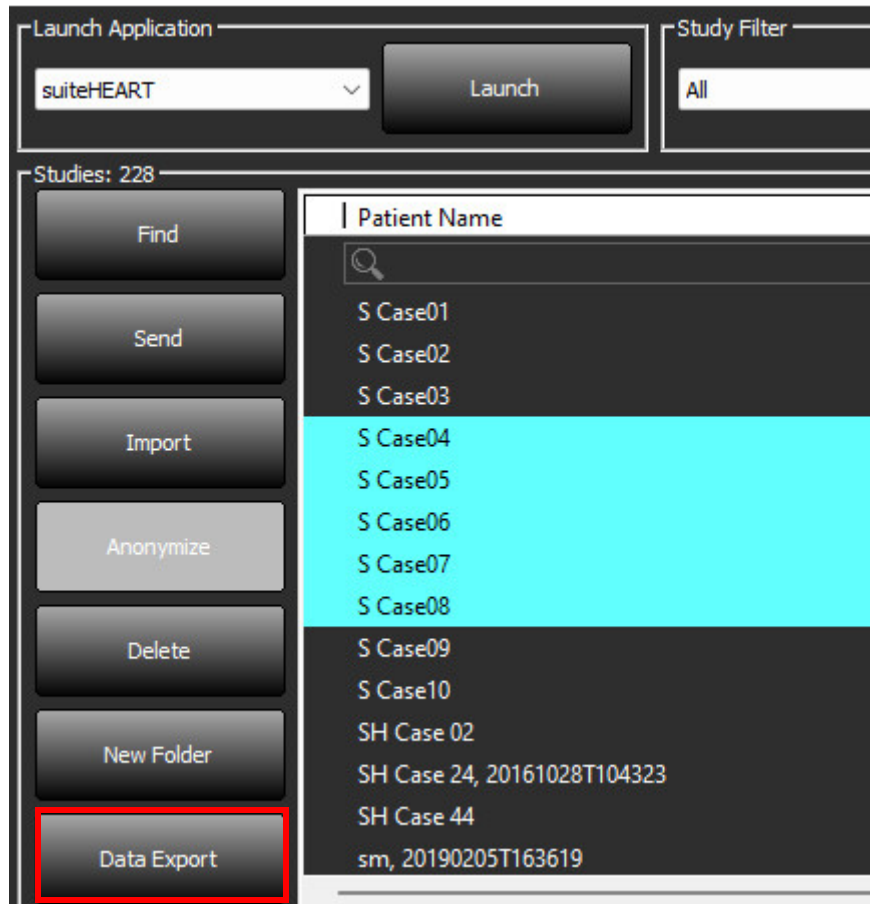
Disk Usage: 49.56% (C:) Preprocessing: On Virtual Fellow®: On No DICOM Network Activity

Xuất dữ liệu

QUAN TRỌNG: Trước khi thực hiện xuất dữ liệu, người dùng có trách nhiệm đặt chính xác (và gán đúng) và hoàn chỉnh tất cả các vùng quan tâm (ROI), bao gồm cả các vùng được tạo hoặc điều chỉnh bằng thuật toán phân đoạn tự động. Các giá trị định lượng mà phần mềm tạo ra phụ thuộc vào việc đặt chính xác (và gán đúng) và hoàn chỉnh các vùng quan tâm này.

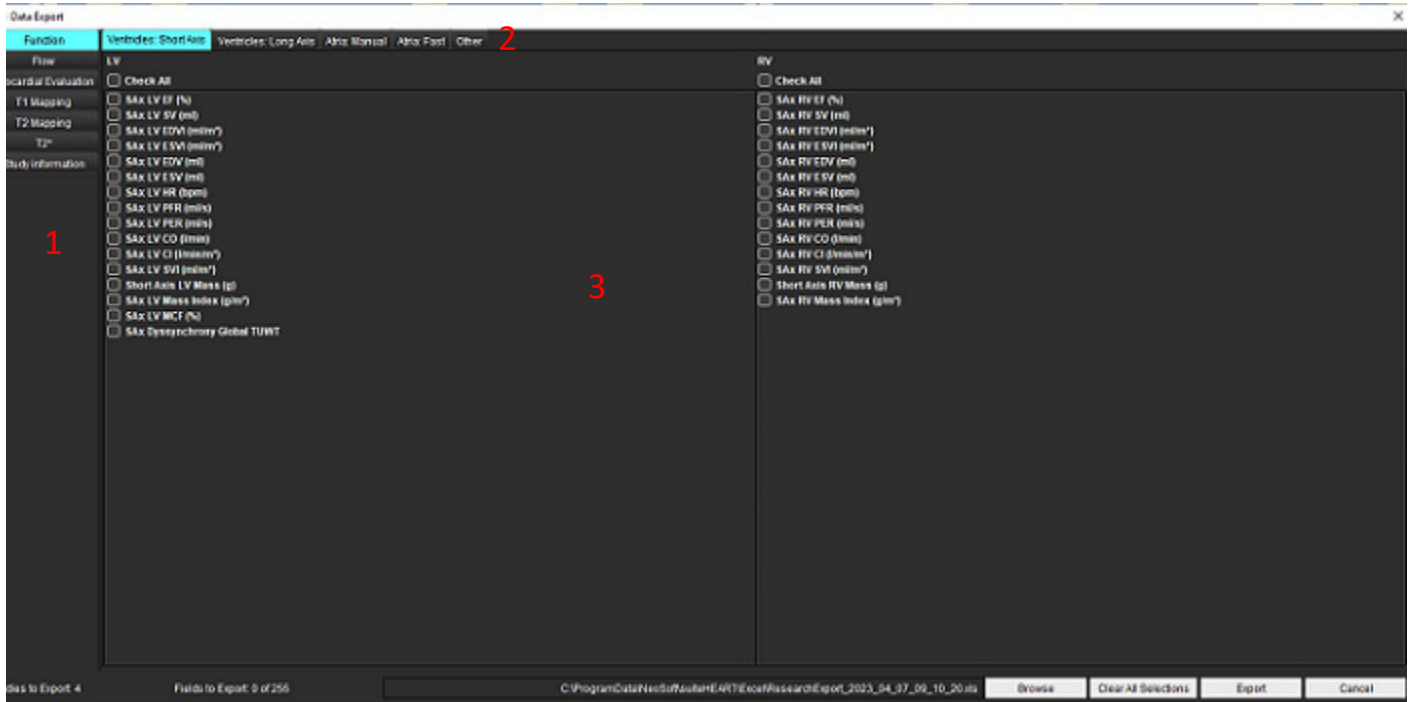
1. Chọn một nghiên cứu hoặc nhóm nghiên cứu từ ô nghiên cứu DXT.
2. Chọn Xuất dữ liệu

HÌNH 1. Xuất dữ liệu từ giao diện suiteDXT



3. Trên giao diện Xuất dữ liệu, chọn giá trị kết quả mong muốn cho loại phân tích phù hợp. Các lựa chọn đã thực hiện sẽ được giữ lại cho lần xuất dữ liệu tiếp theo.

HÌNH 2. Xuất dữ liệu



1. Chế độ Phân tích, 2. Loại phân tích, 3. Lựa chọn giá trị kết quả

LƯU Ý: Chỉ có 255 trường được hỗ trợ để xuất dữ liệu.

4. Chọn **Duyệt**, rồi chọn điểm đích và tên tệp.
5. Chọn **Xóa tất cả các lựa chọn** để thiết lập lại các lựa chọn kết quả.
6. Chọn **Xuất** để tạo bảng tính Excel.
7. Chọn **Hủy** để đóng giao diện.

Dịch vụ và hỗ trợ

Lỗi mạng DICOM

Nếu không thể truy xuất để truyền nghiên cứu, xác nhận rằng tường lửa không chặn hoạt động truyền. Nếu tường lửa không phải là nguyên nhân dẫn đến sự cố, hãy kiểm tra để đảm bảo suiteDXT có thể phản hồi DICOM máy chủ từ xa và máy chủ từ xa có thể phản hồi DICOM suiteDXT.

1. Từ Màn hình chính, chọn Cấu hình.
2. Trong phần Cấu hình DICOM, chọn máy chủ từ xa mà đã thực hiện truy xuất và chọn Chỉnh sửa.
3. Đánh dấu vào các hộp kiểm để: Bật, Lưu vào thiết bị và Truy vấn thiết bị.
4. Xác minh rằng địa chỉ IP, Cổng và tiêu đề AE cho Đích DICOM là chính xác.

HÌNH 1. Cửa sổ cấu hình DICOM

The screenshot shows the 'DICOM Device Configuration' dialog box with the following fields and options:

- Description: PACS
- AE Title: PACS
- Address: 172.16.0.999 (highlighted with a red box)
- Port: 4006
- Max Priors: 1
- Prior Study Description: CARDIAC^HEART
- Enabled:
- Store to device:
- Query device:
- Preprocessing:
- Enable SSL:
- Auto Retrieve Prior Studies:

Buttons at the bottom: DICOM Echo (highlighted with a red box), Update, and Cancel.

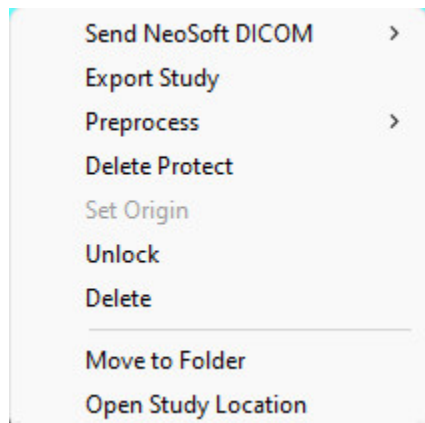
5. Nhấp vào Phản hồi DICOM.
 6. Chọn cài đặt mạng và xác nhận rằng cổng được chọn mở và có thể truy cập trên máy chủ suiteDXT.
 7. Truy xuất lại nghiên cứu.
- Nếu sau khi thực hiện các bước trên, bạn vẫn không thể thực hiện truy xuất, hãy liên lạc với quản trị viên mạng.

Lỗi khởi chạy nghiên cứu

Nếu thông báo "Các nghiên cứu sau đây bị khóa và sẽ không tải được trong quá trình khởi chạy" xuất hiện khi cố gắng khởi chạy nghiên cứu, hãy thực hiện các bước sau:

1. Điều hướng đến danh mục nghiên cứu của suiteDXT.
2. Nhấp chuột phải vào nghiên cứu đã tạo ra thông báo lỗi.
3. Chọn "Mở khóa"

HÌNH 2. Mở khóa nghiên cứu



Liên hệ

Nếu bạn gặp sự cố trong quá trình cài đặt hoặc sử dụng suiteDXT, hãy liên lạc với bộ phận dịch vụ của NeoSoft, LLC tại địa chỉ service@NeoSoftmedical.com.